

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước;



Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 327/TTr-STNMT ngày 14 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Đồng Phú, Lộc Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-32-QĐ-19/7).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

KẾ HOẠCH

**Đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh**
(Kèm theo Quyết định số 1191.../QĐ-UBND
ngày 21. tháng 7. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. THÔNG TIN VỀ CÁC KHU VỰC MỎ ĐẤU GIÁ

1. Thông tin về các khu vực mỏ:

Khu vực đấu giá gồm 02 (hai) điểm mỏ khoáng sản là đá làm vật liệu xây dựng thông thường. Các khu vực này nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 với tổng diện tích 41,5 ha, bao gồm:

- Khu vực 1: Tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, diện tích 5,0 ha.

- Khu vực 2: Tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, diện tích 36,5 ha.

Tất cả các mỏ đưa ra đấu giá theo phương án này đều chưa được thăm dò, đánh giá trữ lượng.

Thông tin về các mỏ đấu giá như vị trí, ranh giới mỏ; hiện trạng cơ sở hạ tầng, hiện trạng sử dụng đất khu vực mỏ; diện tích, tài nguyên dự báo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định.

2. Giải phóng mặt bằng khu vực mỏ đấu giá:

Hiện trạng sử dụng đất tại các mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản đều có tài sản gắn liền với đất. Đa số diện tích đất đã giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Do vậy, chỉ sau khi tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản và được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới phải tiến hành thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có “quyền sử dụng đất” để tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng (việc bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện sau khi thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

II. GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ

1. Giá khởi điểm:

Giá khởi điểm đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản nêu trên được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp

quyền khai thác khoáng sản. Đối với đá làm vật liệu xây dựng thông thường $R = 3\%$.

Mức giá khởi điểm trên chưa bao gồm chi phí khảo sát thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; chi phí giải phóng mặt bằng; các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

2. Bước giá:

Bước giá là mức chênh lệch của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề. Bước giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Bước giá áp dụng cho các khu vực mỏ phê duyệt tại phương án này là 2,0% (hai phần trăm).

III. PHÍ HỒ SƠ VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá và tiền phí tham gia đấu giá:

1.1. Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá:

Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá là 500.000 đồng/hồ sơ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản).

Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá không được hoàn trả trừ trường hợp cuộc đấu giá không được tổ chức.

1.2. Tiền phí tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá phải nộp tiền phí tham gia cho Tổ chức bán đấu giá theo quy định.

Mức thu phí tham gia đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được quy định cụ thể như sau:

- Tại Khu vực 1 thuộc xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, diện tích 5,0 ha, mức thu phí tham gia đấu giá là 6.000.000 đồng.

- Tại Khu vực 2 thuộc xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, diện tích 36,5 ha, mức thu phí tham gia đấu giá là 10.000.000 đồng.

Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá và tiền phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản sau khi thanh toán cho các nội dung chi được quy định tại Điều 12 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; số còn lại (nếu có) thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo các thông tin sau: Số tài khoản thu ngân sách nhà nước: 7111; cấp thu ngân sách: 2; mã Kho bạc nhà nước: 1861; mã nội dung kinh tế: 4949; nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước Bình Phước.

2. Tiền đặt trước:

2.1. Tiền đặt trước được tính bằng 15% giá khởi điểm (Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định).

2.2. Khoản tiền đặt trước được nộp vào một tài khoản thanh toán riêng của Tổ chức bán đấu giá mở tại ngân hàng thương mại của Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2.3. Thời hạn nộp tiền đặt trước: Tổ chức bán đấu giá chỉ được thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong thời hạn 02 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá, trừ trường hợp Tổ chức bán đấu giá và người tham gia đấu giá có thỏa thuận khác nhưng phải trước ngày mở cuộc đấu giá. Tổ chức bán đấu giá không được sử dụng tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào khác.

2.4. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước và thanh toán tiền lãi (nếu có) trong trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại tiểu mục 2.5 của mục này.

2.5. Tiền đặt trước tham gia đấu giá không được trả lại và nộp vào ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau:

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Quá thời hạn 06 (sáu) tháng mà tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

2.6. Đối với khoản tiền đặt trước của người trúng đấu giá sẽ được chuyển thành khoản tiền đặt cọc.

- Việc xử lý khoản tiền đặt cọc được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Người trúng đấu giá nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản vào tài khoản ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá và theo thông báo của Cục Thuế tỉnh.

- Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được nộp vào Kho bạc nhà nước và được khấu trừ vào tiền trúng đấu giá.

IV. CƠ QUAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HÌNH THỨC, CÁCH THỨC BÁN ĐẤU GIÁ

1. Cơ quan tổ chức thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lựa chọn Tổ chức bán đấu giá và ký kết hợp đồng dịch vụ để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản các mỏ được phê duyệt trong Kế hoạch này theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, đồng thời là cơ quan xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định pháp luật.

Tổ chức được lựa chọn bán đấu giá tài sản là cơ quan lập, thông báo và bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Hình thức:

- Cách thức tổ chức: Từng khu vực sẽ được tổ chức thành từng cuộc đấu giá riêng lẻ, độc lập với nhau.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

- Số vòng đấu giá: Nhiều vòng.

- Việc đấu giá được tiến hành liên tục, không gián đoạn cho đến khi xác định được người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá được lập cùng với biên bản đấu giá và công bố công khai ngay tại phiên đấu giá có sự chứng kiến của đại diện các bên.

- Trong vòng đấu giá đầu, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải trả giá thấp nhất bằng giá khởi điểm phiên đấu giá cộng với số nguyên lần bước giá (1, 2,..., n lần và mỗi lần tối thiểu bằng 2,0% (hai phần trăm) mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

- Trường hợp phải tổ chức vòng đấu giá tiếp theo, giá khởi điểm là giá được trả cao nhất của vòng đấu trước liền kề. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá trả thấp nhất phải bằng giá của vòng đấu trước cộng với số nguyên lần bước giá.

- Phiếu trả giá có giá trị không đúng quy định nêu trên được coi là không hợp lệ.

3. Cách thức đấu giá:

Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 (hai) tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá.

Trong trường hợp chỉ có 01 (một) tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá, 01 (một) người trả giá, 01 (một) người chấp nhận giá thì tài sản không được bán theo quy định tại Điều 59 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Sau 03 (ba) lần thông báo và tính đến thời điểm hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà vẫn không đủ số lượng người tham gia đấu giá quy định tại Khoản 1 Điều 68 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và không tổ chức phiên đấu giá.

V. ĐỊA ĐIỂM, THỜI HẠN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

1. Địa điểm: Tại trụ sở của tổ chức được lựa chọn để bán đấu giá.

2. Thời gian:

- Thời gian tổ chức đấu giá: Dự kiến trong Quý III năm 2023.

- Thời gian để thông báo và đăng tải thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Theo quy định tại Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Thời gian bán và tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá: Theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Thời gian xét hồ sơ tham gia đấu giá; thông báo đến các tổ chức, cá nhân đủ hoặc không đủ điều kiện tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá không quá 01 ngày sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

VI. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

1.1. Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân trong nước có đủ điều kiện hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản. Đồng thời không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

1.2. Điều kiện tham gia đấu giá:

- Thuộc đối tượng tham gia đấu giá quy định tại tiểu mục 1.1 nêu trên.

- Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định.

- Văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập 01 (một) bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thì sẽ được Sở Tài nguyên và môi trường thông báo đủ



điều kiện tham gia đấu giá sau khi đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định.

1.3. Xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá của tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Trong thời gian chậm nhất 02 (hai) ngày trước ngày mở cuộc đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm định, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá của tổ chức, cá nhân cho Tổ chức bán đấu giá và tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị.

- Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.

2. Đối tượng không được tham gia đấu giá:

- Cán bộ, công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên; cha, mẹ, vợ, chồng, con của người tham gia Hội đồng đấu giá.

- Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

3. Hồ sơ tham gia đấu giá:

Hồ sơ tham gia đấu giá gồm 01 (một) bộ nộp tại Tổ chức bán đấu giá, thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (theo mẫu).

- Thẻ Căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu của người đăng ký tham gia đấu giá hoặc của người đại diện theo pháp luật nếu là tổ chức đăng ký.

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc bản sao có chứng thực thể hiện có đủ điều kiện hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản giới thiệu năng

lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính, trong đó năng lực tài chính tối thiểu đáp ứng theo Phụ lục kèm theo.

- Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá.

- Chứng từ hoặc tài liệu chứng minh đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định.

4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá:

4.1. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

- Tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản liên quan đến khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan.

- Khảo sát thực địa khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, lấy mẫu trên mặt đất nằm trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 37 Luật Khoáng sản năm 2010.

- Được tham gia các buổi họp liên quan đến phiên đấu giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức.

4.2. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện nghiêm túc nội quy phiên đấu giá, quy chế đấu giá do Hội đồng đấu giá ban hành và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

5.1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

- Được cấp văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ sau đây:

- Nộp tiền trúng đấu giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Không được chuyển nhượng kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VII. PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, NỘP TIỀN TRÚNG ĐẤU GIÁ

1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá:

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đấu giá thành công, Tổ chức bán đấu giá bàn giao toàn bộ hồ sơ đấu giá về Sở Tài nguyên và Môi trường (Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá; Phiếu trả giá bản sao; Biên bản phiên đấu giá).

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ do Tổ chức bán đấu giá bàn giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

2. Cách tính tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Căn cứ mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã trúng đấu giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tiền trúng đấu giá được tính như sau:

$$T = Q \times G \times K \times R_{đg} \text{ (đồng)}$$

Trong đó:

T - Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Q - Là trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác, xác định trong dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật và được quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản; đơn vị tính là m³.

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là đồng Việt Nam/đơn vị trữ lượng.

K - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác: khai thác lộ thiên K = 0,9.

R_{dg} - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá; đơn vị tính là phần trăm (%).

Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được áp dụng ổn định trong suốt thời gian được cấp phép khai thác.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

3.1. Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp toàn bộ một lần trước khi cấp phép khai thác, trừ trường hợp quy định tại tiểu mục 3.2 của mục này.

3.2. Trường hợp số tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lớn hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng thì được nộp nhiều lần nhưng phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp lần đầu tối thiểu 50 (năm mươi) tỷ đồng trước khi cấp phép khai thác khoáng sản; số tiền còn lại được nộp nhiều lần (*trước ngày 31 tháng 3 của năm nộp tiền*) nhưng thời gian thu không quá 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trường hợp thời gian khai thác dưới 10 (mười) năm thì thời gian được nộp nhiều lần không quá nửa thời gian được cấp phép.

- Trường hợp giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm nộp cao hơn giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm xác định tiền trúng đấu giá thì giá trị nộp được xác định lại theo nguyên tắc quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

4. Phí và chi phí bán đấu giá:

Tổ chức bán đấu giá được thanh toán thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá và chi phí cho phiên bán đấu giá theo quy định hiện hành.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chuẩn bị hồ sơ cụ thể cho từng khu vực mỏ bao gồm: thông tin cơ bản về điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản, xác định vị trí, diện tích các khu vực đưa ra đấu giá.

- Thực hiện các nhiệm vụ là cơ quan thường trực Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định giá khởi điểm, bước giá, số vòng đấu giá cho từng khu vực mỏ đưa ra đấu giá và thủ tục cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản (trong trường hợp thuê Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp).

- Lập dự toán kinh phí lập hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản và dự toán thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá và chi phí cho phiên bán đấu giá trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Thông báo công khai danh mục các khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; các thông tin về cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản và triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định.

2. Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số tiền đặt trước và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện Đồng Phú, Lộc Ninh theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải công khai Kế hoạch này trên Công thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường cho đến khi thực hiện xong Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai, nếu có những vấn đề vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện Đồng Phú, Lộc Ninh kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

(Tên tổ chức, cá nhân):

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng.... năm.... (Đăng ký kinh doanh số.... ngày.... tháng.... năm....)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....; Fax:

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thông báo tại khu vực mở:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh Bình Phước thông báo.

2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước lựa chọn cho phiên đấu giá.

3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày..... tháng..... năm 20...
 (Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu



Phụ lục I

KHU VỰC CÁC MỎ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1191.../QĐ-UBND ngày 21 tháng 1.. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Hiện trạng về cơ sở hạ tầng và sử dụng đất khu vực mỏ	Toạ độ điểm góc (Hệ VN 2000, múi chiều 3 ⁰)			Tài nguyên dự báo (m ³)	Tiền đất trước (đồng)	Yêu cầu xác nhận năng lực tài chính tối thiểu (đồng)	Ghi chú
					Điểm góc	X(m)	Y(m)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đá xây dựng	Xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú	5,0	- Là đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, Công ty Cổ phần Phú An Khang Đồng Phú đang làm thủ tục sang nhượng lại. - Toàn bộ diện tích là đất trồng cây điều và đất trồng.	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20	1266425 1266482 1266548 1266654 1266635 1266568 1266571 1266552 1266602 1266521 1266497 1266454 1266481 1266530 1266536 1266513 1266458 1266448 1266543 1266505	577317 577274 577298 577375 577455 577520 577525 577610 577636 577778 577780 577652 577655 577617 577541 577546 577461 577428 577428 577398	Cấp 334a: 650.000	331.991.156	3.150.000.000	

2	Đá xây dựng	Xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	36,5	<p>- Là đất trồng cây lâu năm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất cho cho Công ty TNHH Khai thác vật liệu xây dựng Lộc Ninh.</p> <p>- Hiện trạng là đất trồng cây tràm, cao su và đất trồng.</p>	<table border="1"> <tr><td>1</td><td>1303625</td><td>529405</td></tr> <tr><td>2</td><td>1303722</td><td>529297</td></tr> <tr><td>3</td><td>1303822</td><td>529304</td></tr> <tr><td>4</td><td>1303854</td><td>529432</td></tr> <tr><td>5</td><td>1303973</td><td>529544</td></tr> <tr><td>6</td><td>1303991</td><td>529737</td></tr> <tr><td>7</td><td>1303987</td><td>529929</td></tr> <tr><td>8</td><td>1303763</td><td>530024</td></tr> <tr><td>9</td><td>1303574</td><td>529979</td></tr> <tr><td>10</td><td>1303438</td><td>529668</td></tr> <tr><td>11</td><td>1303157</td><td>529510</td></tr> <tr><td>12</td><td>1303218</td><td>529342</td></tr> </table>	1	1303625	529405	2	1303722	529297	3	1303822	529304	4	1303854	529432	5	1303973	529544	6	1303991	529737	7	1303987	529929	8	1303763	530024	9	1303574	529979	10	1303438	529668	11	1303157	529510	12	1303218	529342	Cấp 333: 18.250.000	8.830.695.938	22.995.000.000
1	1303625	529405																																										
2	1303722	529297																																										
3	1303822	529304																																										
4	1303854	529432																																										
5	1303973	529544																																										
6	1303991	529737																																										
7	1303987	529929																																										
8	1303763	530024																																										
9	1303574	529979																																										
10	1303438	529668																																										
11	1303157	529510																																										
12	1303218	529342																																										



Phụ lục II

**THUYẾT MINH PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TIỀN ĐẶT TRƯỚC
VÀ YÊU CẦU XÁC NHẬN NÂNG LỰC TÀI CHÍNH TỐI THIỂU
CÁC MÔ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số M.91.../QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Cách xác định tiền đặt trước

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đầu giá quyền khai thác khoáng sản, tiền đặt trước bằng 1% đến 15% giá khởi điểm, phương án lựa chọn tiền đặt trước bằng 15% giá khởi điểm.

- Theo Điều 4 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đầu giá quyền khai thác khoáng sản, quy định giá khởi điểm như sau:

“1. Giá khởi điểm do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản quyết định trước khi tổ chức đấu giá.

2. Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản không thấp hơn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định cụ thể việc xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản”.

Tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đầu giá quyền khai thác khoáng sản quy định: “2. Đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản, giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 203/2013/NĐ-CP”.

Phụ lục I Nghị định số 203/2013/NĐ-CP được thay thế bởi Phụ lục I Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Phụ lục I mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định R = 3%.

- Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính trên các căn cứ theo công thức sau:

$$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$$

Trong đó:

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam.

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định cụ thể tại Điều 6 Nghị định này; đơn vị tính là m³; tấn; kg và các đơn vị khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là trị giá đơn vị khoáng sản nguyên khai, sau khai thác, được xác định trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định này; đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng.

$$G = G_{tn} * K_{qd}$$

G_{tn}: Giá tính thuế tài nguyên, G_{tn} = 90.000 đồng/m³ (theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

K_{qd}: Hệ số quy đổi; K_{qd} = H_n = 1,475 (Phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất tơi, Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 4447 : 2012).

$$G = 132.750 \text{ đồng/m}^3.$$

K_1 - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác được quy định: Khai thác lộ thiên $K_1 = 0,9$; Khai thác hầm lò $K_1 = 0,6$; Khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên và các trường hợp còn lại $K_1 = 1,0$.

K_2 - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn áp dụng theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định về pháp luật đầu tư: Khu vực khai thác khoáng sản thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, $K_2 = 0,9$; Khu vực khai thác khoáng sản thuộc vùng kinh tế - xã hội khó khăn, $K_2 = 0,95$; các khu vực khai thác khoáng sản thuộc vùng còn lại, $K_2 = 1,0$.

Huyện Đông Phú: $K_2 = 0,95$.

Huyện Lộc Ninh: $K_2 = 0,90$.

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là phần trăm (%).

- Kết quả xác định tiền đặt trước cho từng mỏ được thể hiện ở bảng dưới.

II. Cách xác định năng lực tài chính tối thiểu

Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản, yêu cầu xác định năng lực tài chính tối thiểu bằng 30% tổng mức đầu tư dự kiến.

Tỉnh Bình Phước chưa có đơn giá đầu tư thăm dò khoáng sản, đầu tư khai thác khoáng sản. Căn cứ mức độ đầu tư hợp lý của loại khoáng sản đưa vào đầu giá của các doanh nghiệp đã thăm dò, khai thác trên địa bàn tỉnh, dự kiến chi phí thăm dò khoáng sản đá xây dựng là 100.000.000 đ/ha, dự kiến chi phí khai thác khoáng sản đá xây dựng là 2.000.000.000 đ/ha. Tổng mức đầu tư dự kiến cho công tác thăm dò, khai thác 01 ha là 2.100.000.000 đồng.

Năng lực tài chính tối thiểu = Diện tích (ha) x 2.100.000.000 đồng/ha x 30%.

Yêu cầu xác định năng lực tài chính tối thiểu cho từng mỏ được thể hiện ở bảng dưới:

TT	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng Q (m ³)	Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản G (đ/m ³)	Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (KI)	Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội (K ₂)	Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản R (%)	Tiền cấp quyền khai thác T (đồng)	Tiền đặt trước: 15% (đồng)	Yêu cầu xác nhận năng lực tài chính tối thiểu 30% (đồng)
1	Xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú	5,0	650.000	132.750	0,90	0,95	0,03	2.213.274.375	331.991.156	3.150.000.000
2	Xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	36,5	18.250.000	132.750	0,90	0,90	0,03	58.871.306.250	8.830.695.938	22.995.000.000